

Số: /BC-UBND

Tỉnh An, ngày tháng 11 năm 2024

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện cải cách hành chính trong năm 2024
của Ủy ban nhân dân xã Tịnh An

Thực hiện Công văn số 542/UBND-NC ngày 21/02/2022 của UBND thành phố Quảng Ngãi về việc thực hiện báo cáo định kỳ công tác cải cách hành chính;

UBND xã Tịnh An báo cáo kết quả triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính trong năm 2024, cụ thể như sau:

I. Công tác chỉ đạo, điều hành về cải cách hành chính.

1. Về kế hoạch cải cách hành chính

UBND xã xây dựng Kế hoạch cải cách hành chính xã Tịnh An năm 2024 để thực hiện cụ thể từng nội dung của chương trình cải cách hành chính (*Kế hoạch số 524/KH-UBND ngày 29/12/2023*).

Trong năm 2024, đã tổ chức thực hiện hoàn thành 23/23 nội dung chỉ tiêu trong Kế hoạch cải cách hành chính năm 2024.

2. Về tổ chức chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính.

UBND xã chú trọng đến công tác cải cách hành chính tại địa phương, xác định cải cách hành chính là công tác quan trọng góp phần xây dựng một nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại. UBND xã đã ban hành các văn bản như sau:

Số lượng các văn bản ban hành điều hành công tác cải cách hành chính trong năm 2024, UBND xã đã ban hành là: 23 văn bản, gồm:

+ Kế hoạch số 524/KH-UBND ngày 29/12/2023 của UBND xã Tịnh An về kế hoạch cải cách hành chính năm 2024;

+ Công văn số: 07/UBND ngày 04/01/2024 về tiếp tục nâng cao chất lượng và hiệu quả trong việc thực hiện cải cách hành chính, chuyển đổi số năm 2024 trên địa bàn xã Tịnh An;

+ Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 03/01/2024 của UBND xã Tịnh An về công tác phòng, chống tham nhũng năm 2024;

+ Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 04/01/2024 về hội nghị tiếp xúc đối thoại với cá nhân, tổ chức về thủ tục hành chính, giải quyết thủ tục hành chính năm 2024 trên địa bàn xã Tịnh An;

+ Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 04/01/2024 về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính trên địa bàn xã Tịnh An năm 2024;

- + Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 04/01/2024 về kiểm tra thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính trên địa bàn xã Tịnh An năm 2024;
- + Kế hoạch số 523/KH-UBND ngày 29/12/2023 về việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức năm 2024.
- + Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 05/01/2024 của UBND xã về kiểm tra nội bộ hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2024.
- + Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 02/01/2024 của UBND xã về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo năm 2024;
- + Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 09/01/2024 của UBND xã Tịnh An về việc phân bổ dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách xã năm 2024;
- + Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 10/01/2024 của UBND xã Tịnh An về việc ban hành Quy định chi tiêu nội bộ, quản lý và sử dụng tài sản công;
- + Kế hoạch số 118/KH-UBND ngày 04/3/2024 về chuyển đổi số năm 2024;
- + Kế hoạch số 138/KH-UBND ngày 12/3/2024 truyền thông về hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2024;
- + Quyết định số 113/QĐ-UBND ngày 03/4/2024 của UBND xã Tịnh An về việc thành lập mô hình “Công trường an toàn giao thông”.
- + Quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 03/4/2024 của UBND xã Tịnh An về việc ban hành Kế hoạch thực hiện quy chế dân chủ cơ sở và dân vận chính quyền năm 2024;
- + Kế hoạch số 301/KH-UBND ngày 21/5/2024 của UBND xã Tịnh An triển khai thực hiện mô hình “Hộ an toàn- Thôn bình yên- Xã đạt tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng nông thôn mới” trên địa bàn xã Tịnh An;
- + Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 21/05/2024 của UBND xã Tịnh An về việc thành lập mô hình “Hộ an toàn- Thôn bình yên- Xã đạt tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng nông thôn mới” trên địa bàn xã Tịnh An;
- + Công văn số 413/UBND ngày 08/7/2024 về việc đẩy mạnh đăng ký, xây dựng mô hình tổ liên gia an toàn phòng cháy chữa cháy và điểm chữa cháy công cộng;
- + Công văn 432/UBND ngày 12/7/2024 về việc phản ánh, kiến nghị của Nhân dân về công tác giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực chính sách đối với người có công, lĩnh vực BTXH thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND thành phố Quảng Ngãi;
- + Báo cáo số 190/BC-UBND ngày 30/7/2024 về việc mở tài khoản và chi trả trợ cấp hàng tháng không tiền mặt cho đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn xã Tịnh An;
- + Kế hoạch số 33/KH-BCĐ ngày 30/7/2024 của Ban chỉ đạo phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa xã về việc tổ chức “Ngày hội toàn dân bảo

vệ an ninh Tổ quốc, diễn đàn “công an xã lắng nghe ý kiến nhân dân và tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn xã Tịnh An năm 2024;

+ Kế hoạch số 585/KH-UBND ngày 12/8/2024 tọa đàm về công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin tại xã Tịnh An năm 2024;

+ Báo cáo số 201/BC-UBND ngày 21/8/2024 về việc cập nhật hồ sơ phần mềm cán bộ, công chức trên địa bàn xã Tịnh An;

3. Về công tác tuyên truyền cải cách hành chính

UBND xã Tịnh An tiếp tục triển khai, quán triệt rộng rãi đến toàn thể cán bộ, công chức, nhân viên cơ quan UBND xã và trưởng các thôn trên địa bàn xã thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính thông qua các cuộc họp CBCC hoặc cuộc họp chuyên đề. UBND xã chú trọng tuyên truyền trực quan bằng việc in và treo câu khẩu hiệu tại Trụ sở UBND xã để khi công dân đến liên hệ giải quyết thủ tục được nhìn thấy và cùng địa phương thực hiện. Câu khẩu hiệu tuyên truyền: “CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CƠ QUAN XÃ TỊNH AN THI ĐUA THỰC HIỆN VĂN HÓA CÔNG SỞ, THỰC HIỆN TỐT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH !. Tổ chức tọa đàm về công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, qua đó giúp cán bộ, công chức xã, người hoạt động không chuyên trách xã, thôn nắm bắt nhiều hơn nữa về các nội dung trong công tác cải cách hành chính, từ đó có giải pháp thực hiện công tác cải cách hành chính được tốt hơn.

II. Kết quả chủ yếu đạt được trong triển khai 06 nội dung cải cách hành chính

1. Cải cách thể chế

Việc triển khai xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật tại địa phương tuân thủ đúng quy trình, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của pháp luật. Hoạt động theo dõi thi hành pháp luật tại xã được giao cho Công chức Tư pháp hộ tịch xã tham mưu thực hiện.

Tổng số văn bản ban hành trong năm 2024: 605 văn bản, trong đó không có văn bản quy phạm pháp luật nào.

2. Cải cách thủ tục hành chính

Việc kiểm soát thủ tục hành chính: Công chức Văn phòng thống kê chịu trách nhiệm tham mưu trong công tác kiểm soát thủ tục hành chính.

Việc niêm yết, công khai thủ tục hành chính và cập nhật bổ sung các thủ tục hành chính được thực hiện theo quy định.

Thực hiện tốt việc công khai Bảng thông báo tiếp nhận phản ánh và kiến nghị về quy định hành chính tại cơ quan để cho các tổ chức, cá nhân và nhân dân nắm biết thực hiện theo đúng quy định pháp luật. Trong năm 2024, không có công dân phản ánh, kiến nghị về thủ tục hành chính tại xã.

UBND xã niêm yết công khai số điện thoại của lãnh đạo UBND xã và công chức bộ phận một cửa để tổ chức, cá nhân liên quan đến giải quyết thủ tục hành chính

biết, đồng thời phân công cán bộ trực tiếp tiếp công dân thường xuyên tổ chức tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân tại Phòng tiếp công dân.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

- Thường xuyên rà soát về vị trí, chức năng nhiệm vụ của từng cán bộ, công chức nhằm ổn định bộ máy làm việc. Tình hình biên chế của xã đến cuối tháng 05 năm 2024: có 18/20 định biên, còn thiếu 02 biên chế Công chức so với quy định tại Quyết định số 250/QĐ-UBND ngày 30/01/2024 của UBND thành phố Quảng Ngãi về giao bố trí số lượng công chức ở xã thuộc thành phố Quảng Ngãi.

- Đã ban hành Quy chế làm việc của UBND xã nhiệm kỳ 2021 – 2026 và thường xuyên đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, sự phối hợp của các ban, ngành trong thực hiện công việc chung của UBND theo quy chế làm việc đề ra.

*** Về thực hiện cơ chế Một cửa**

Bộ phận Một cửa của xã được bố trí ở vị trí thuận tiện, dễ tìm phù hợp với quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018, diện tích bố trí phòng và sảnh chờ: 59,4 m² để bộ phận một cửa làm việc, có hệ thống máy vi tính phục vụ công việc.

Công tác tiếp nhận hồ sơ, giải quyết theo cơ chế một cửa về chất lượng giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện đảm bảo, đa số các thủ tục đều được giải quyết đúng hạn và trước hạn. Trong năm 2024 đã tiếp nhận 2.211 hồ sơ, có 2.211/2.211 hồ sơ đã giải quyết, trong đó có 2.211/2.211 hồ sơ trả trước hạn và đúng hạn, chiếm tỷ lệ 100% so với hồ sơ đã tiếp nhận (*tuy nhiên, xử lý trên phần mềm có 41 hồ sơ nào trễ hạn, thuộc lĩnh vực Tư pháp hộ tịch*). Trong đó:

- Lĩnh vực hộ tịch: 913 hồ sơ (*Xác nhận tình trạng hôn nhân: 232 hồ sơ, đăng ký khai sinh liên thông: 103 hồ sơ, đăng ký lại khai sinh: 49 hồ sơ, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ: 03 hồ sơ, đăng ký khai tử: 24 hồ sơ, đăng ký liên thông khai tử: 59 hồ sơ, đăng ký kết hôn: 47 hồ sơ (đăng ký mới: 44, đăng ký lại: 3), trích lục bản sao hộ tịch: 395 hồ sơ, thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch: 01 hồ sơ*), đã giải quyết: 913 hồ sơ/913 hồ sơ.

- Lĩnh vực chứng thực: 1.205 hồ sơ (chứng thực bản sao từ bản chính: 858 hồ sơ, chứng thực chữ ký: 272 hồ sơ, chứng thực di chúc: 02 hồ sơ, chứng thực hợp đồng giao dịch: 73 hồ sơ), đã giải quyết 1.205/1.205 hồ sơ.

- Lĩnh vực Bảo trợ xã hội: 67 hồ sơ (*cấp đổi, cấp lại giấy xác nhận khuyết tật: 02 hồ sơ, hỗ trợ chi phí mai táng phí cho đối tượng BTXH: 07 hồ sơ, xác định mức độ khuyết tật: 29 hồ sơ, điều chỉnh, hỗ trợ trợ cấp xã hội: 26 hồ sơ, trợ giúp xã hội đột xuất: 03 hồ sơ*), đã giải quyết 67/67 hồ sơ.

- Lĩnh vực người có công : 01 hồ sơ, đã giải quyết xong.

- Lĩnh vực đất đai: 15 hồ sơ, đã giải quyết 15 hồ sơ.

- Lĩnh vực thi đua khen thưởng: 10 hồ sơ, đã giải quyết đúng hạn 10 hồ sơ.

UBND xã đã triển khai thực hiện và thường xuyên củng cố, kiện toàn lại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại UBND xã theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày

23/4/2018 của Chính phủ và Quyết định số 44/2022/QĐ-UBND ngày 24/11/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

4. Cải cách công vụ

- Sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức đúng với trình độ chuyên môn đào tạo, phân công rõ chức năng nhiệm vụ được giao. Thực hiện tốt Luật cán bộ, công chức và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành theo quy định.

Hiện nay xã có 100% cán bộ, công chức được bố trí sắp xếp theo đúng Quyết định cấp trên; có 100% cán bộ, công chức đạt chuẩn theo quy định.

- Về chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức được địa phương thực hiện đúng quy định. Thường xuyên cử cán bộ, công chức tham gia theo học các chương trình của thành phố, tỉnh mở. Mỗi cán bộ, công chức luôn có ý thức học tập, nâng cao trình độ chuyên môn đáp ứng được chức trách, nhiệm vụ được đảm nhiệm.

5. Cải cách tài chính công

UBND xã Tịnh An ban hành Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 10/01/2024 của UBND xã Tịnh An về việc ban hành Quy định chi tiêu nội bộ, quản lý và sử dụng tài sản công.

6. Xây dựng và phát triển chính phủ điện tử:

- UBND xã đã kết nối mạng Internet và có 100% cán bộ công chức xã ứng dụng công nghệ thông tin (sử dụng máy vi tính, sử dụng hộp thư điện tử, sử dụng phần mềm eOffice...) trong quá trình thực thi nhiệm vụ công vụ. Hiện nay xã có 24 máy/30 CBCC, người hoạt động không chuyên trách.

III. Đánh giá chung ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân của hạn chế

1. Những ưu điểm:

Nhìn chung, Công tác cải cách hành chính trên địa bàn xã Tịnh An thời gian qua đã được tập trung triển khai thực hiện nghiêm túc đã góp phần xây dựng một nền hành chính trong sạch, vững mạnh, từng bước hiện đại tạo được niềm tin trong nhân dân.

2. Những tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc cải cách hành chính tại địa phương vẫn còn những tồn tại như: chưa có sáng kiến về cải cách hành chính, còn tình trạng hồ sơ trễ hạn trên phần mềm quản lý Hệ thống Một cửa điện tử.

IV. Những kiến nghị, đề xuất: không có.

Trên đây là kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính tại UBND xã Tịnh An trong năm 2024. UBND xã Tịnh An báo cáo để Phòng Nội vụ thành phố Quảng Ngãi nắm bắt./.

Nơi nhận:

- Phòng Nội vụ thành phố;
- TT.Đảng ủy, TT.HĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- Lưu: VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Võ Văn Khương

**Phụ lục
THÔNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

*(Kèm theo Báo cáo số/BC-UBND ngày 01/11/2024
của UBND xã Tịnh An)*

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
	<i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Đơn vị tính	Số liệu	
1	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC			
1.1.	Kế hoạch CCHC	Văn bản	01	Kế hoạch số 524/KH-UBND ngày 29/12/2023 của UBND xã Tịnh An
	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	23	
	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	23	
	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành/ tham mưu ban hành	Văn bản	23	
1.2.	Thực hiện nhiệm vụ UBND thành phố, Chủ tịch UBND TP giao			
	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ		
	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ		
	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
1.3.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức			
	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng		
	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	1	
1.4.	Tổ chức đối thoại về TTHC của UBND cấp xã	Không = 0 Có = 1	1	Ban hành Kế hoạch Và tổ chức thực hiện đối thoại 02 đợt
2.	Cải cách thể chế			Phòng Tư pháp tổng hợp
2.1.	Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản	0	
2.2.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	0	
2.3.	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản	0	
2.4.	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản	0	

2.5.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
3.	Cải cách thủ tục hành chính			Văn phòng thành phố tổng hợp
3.1.	Thống kê TTHC	Thủ tục	161	
3.2.	Vận hành Công dịch vụ công			
	Số TTHC đã cập nhật, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục		
	Số TTHC mức độ 3 và 4 đã tích hợp lên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục		
3.3.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục		
	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục		
	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%	100	
	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%	100	
3.4.	Kết quả giải quyết TTHC			
	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do cơ quan chuyên môn tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100	
4.	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước			Phòng NV thành phố tổng hợp
4.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	20	
4.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	18	
4.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người	0	
4.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
5.	Cải cách chế độ công vụ			Phòng NV thành phố tổng hợp
5.1.	Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo (lãnh đạo cấp phòng)	Người	0	
5.2.	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền).	Người	0	
6.	Cải cách tài chính công			Phòng TC-KH thành phố tổng hợp

6.1.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
6.2.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
6.3.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
6.4.	Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
6.5.	Số lượng đơn vị SNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
7.	Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số			Phòng Văn hóa và Thông tin tổng hợp
7.1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản 2.0	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
7.2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến	Chưa có = 0	2	
	Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh đến thành phố.	2 cấp = 1		
	Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh đến thành phố và 100% UBND cấp xã.	3 cấp = 2		
7.3.	Hệ thống thông tin báo cáo và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	
7.4.	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn, UBND cấp xã được cấp chứng thư số.			
7.5.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	1	
7.6.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND thành phố	%		
7.7.	Tổng số VĂN BẢN ĐI giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn thành phố	Văn bản		
	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%	90	

	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%	10	
7.8.	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
7.9.	Dịch vụ công trực tuyến			
	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC	44	
	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC	7	
	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 3	%	100	
	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 4	%	100	

